

Số: **29** /2020/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày **28** tháng **10** năm 2020

THÔNG TƯ

Hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin trong các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT) và Thông tư số 02/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số

chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2018/TT-BNV).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp

1. Việc bổ nhiệm và xếp lương vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT và Thông tư số 02/2018/TT-BNV phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ đang đảm nhận và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

2. Khi bổ nhiệm từ chức danh nghề nghiệp viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp chuyên ngành công nghệ thông tin không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 4. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Viên chức làm công nghệ thông tin trong đơn vị sự nghiệp công lập được xem xét bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin phù hợp quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT và Thông tư số 02/2018/TT-BNV.

Viên chức hiện đang làm công nghệ thông tin trong đơn vị sự nghiệp công lập đã được bổ nhiệm vào ngạch, chức danh nghề nghiệp khác thì nay được xem xét bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin tương đương quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT và Thông tư số 02/2018/TT-BNV.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A hiện đang thực hiện nhiệm vụ quản trị hệ thống công nghệ thông tin trong đơn vị sự nghiệp công lập, đã được bổ nhiệm và xếp lương kỹ sư (hạng III), mã số V.05.02.07 thì nay được xem xét bổ nhiệm vào chức danh quản trị viên hệ thống (hạng III), mã số V11.06.14.

Ví dụ 2: Bà Nguyễn Thị B, hiện đang thực hiện nhiệm vụ an toàn thông tin trong đơn vị sự nghiệp công lập, đã được bổ nhiệm và xếp lương chuyên viên, mã số 01.003, thì nay được xem xét bổ nhiệm vào chức danh an toàn thông tin (hạng III), mã số V11.05.11.

Điều 5. Áp dụng bảng lương đối với chức danh nghề nghiệp

Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT và Thông tư số 02/2018/TT-BNV

được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Chức danh an toàn thông tin hạng I (mã số V11.05.09), quản trị viên hệ thống hạng I (mã số V11.06.12), kiểm định viên công nghệ thông tin hạng I (mã số V11.07.16), phát triển phần mềm hạng I (mã số V11.08.19) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) có 6 bậc, từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00.

2. Chức danh an toàn thông tin hạng II (mã số V11.05.10), quản trị viên hệ thống hạng II (mã số V11.06.13), kiểm định viên công nghệ thông tin hạng II (mã số V11.07.17), phát triển phần mềm hạng II (mã số V11.08.20) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) có 8 bậc, từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

3. Chức danh an toàn thông tin hạng III (mã số V11.05.11), quản trị viên hệ thống hạng III (mã số V11.06.14), kiểm định viên công nghệ thông tin hạng III (mã số V11.07.18), phát triển phần mềm hạng III (mã số V11.08.21) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 có 9 bậc, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

4. Chức danh quản trị viên hệ thống hạng IV (mã số V11.06.15), phát triển phần mềm hạng IV (mã số V11.08.22) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại B có 12 bậc, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

Điều 6. Cách xếp lương

1. Việc xếp lương đối với viên chức đang làm công nghệ thông tin từ ngạch, chức danh nghề nghiệp khác sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT và Thông tư số 02/2018/TT-BNV được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2007/TT-BNV).

2. Xếp lương sau khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin thì thực hiện xếp bậc lương theo chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

a) Trường hợp khi được tuyển dụng viên chức có trình độ đào tạo tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 3, hệ số lương 3,00, bảng lương viên chức loại A1;

b) Trường hợp khi được tuyển dụng có trình độ đào tạo thạc sĩ phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,67, bảng lương viên chức loại A1;

c) Trường hợp khi được tuyển dụng có trình độ đào tạo đại học phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 1, hệ số lương 2,34, bảng lương viên chức loại A1;

d) Trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quản trị viên hệ thống hạng IV (mã số V11.06.15), phát triển phần mềm hạng IV (mã số V11.08.22): Khi được tuyển dụng có trình độ đào tạo cao đẳng phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,06; khi được tuyển dụng có trình độ đào tạo trung cấp phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 1, hệ số lương 1,86, bảng lương viên chức loại B.

3. Trường hợp viên chức có trình độ cao đẳng khi tuyển dụng đã được xếp lương ở viên chức loại A0 theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp quản trị viên hệ thống hạng IV (mã số V11.06.15), phát triển phần mềm hạng IV (mã số V11.08.22) thì việc xếp bậc lương căn cứ vào thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo thang, bảng lương do Nhà nước quy định (trừ thời gian tập sự) như sau:

Tính từ bậc 2, bảng lương viên chức loại B, cứ sau thời gian 02 năm (đủ 24 tháng) được xếp lên 01 bậc lương (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn). Trường hợp trong thời gian công tác bị kéo dài thời gian nâng lương thường xuyên do không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc bị kỷ luật theo quy định của pháp luật thì bị kéo dài thêm chế độ nâng bậc lương thường xuyên theo quy định. Trường hợp trong thời gian công tác được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ thì thời gian được nâng bậc lương trước thời hạn được tính để xếp lên bậc lương cao hơn trước thời hạn tương ứng. Sau khi quy đổi thời gian để xếp vào bậc lương của chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm, nếu có số tháng chưa đủ 24 tháng, thì số tháng này được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).

Sau khi chuyển xếp lương vào chức danh nghề nghiệp quản trị viên hệ thống hạng IV, phát triển phần mềm hạng IV, nếu hệ số lương được xếp ở các chức danh nghề nghiệp này cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) thấp hơn hệ số lương đã hưởng ở ngạch, chức danh nghề nghiệp cũ thì được hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên

vượt khung, nếu có) đang hưởng ở ngạch, chức danh nghề nghiệp cũ. Hệ số chênh lệch bảo lưu này được hưởng trong suốt thời gian viên chức xếp lương ở chức danh nghề nghiệp quản trị viên hệ thống hạng IV, phát triển phần mềm hạng IV. Sau đó, nếu viên chức được thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được cộng hệ số chênh lệch bảo lưu này vào hệ số lương (kể cả phụ cấp thâm niên vượt khung, nếu có) đang hưởng để xếp lương vào chức danh được bổ nhiệm khi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu kể từ ngày hưởng lương ở chức danh nghề nghiệp mới.

4. Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và xếp lương các chức danh chuyên ngành công nghệ thông tin quy định tại Thông tư này và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu các đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập danh sách viên chức được bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp chuyên ngành công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin theo quy định;

b) Quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp chuyên ngành công nghệ thông tin đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý. Đối với trường hợp bổ nhiệm các chức danh nghề nghiệp hạng I thì phải có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ trước khi quyết định.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 12 năm 2020.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các chức danh nghề nghiệp khác nay được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT và Thông tư số 02/2018/TT-BNV thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo

điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin được bổ nhiệm.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng, Công TTĐT của Bộ; các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TCCB, VTL.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng